

Số: 86 /2025/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- ĐÀ NẴNG, TP ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 188/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

+ Ông Đỗ Minh T, sinh năm 1994; Số CCCD: 048094006094 ngày cấp 24/09/2021; nơi cấp: Cục C; Địa chỉ: Tổ E, phường H, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1998; Số CCCD: 049198006218 ngày cấp 04/03/2024; nơi cấp: Cục C; Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Đỗ Minh T và bà Trần Thị Mỹ L kết hôn với nhau vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, TP Đà Nẵng cũ, nay là phường H, TP Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2019 ngày 20/02/2019), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà về chung sống tại tổ D, phường L, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống với nhau một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến đầu năm 2025 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn, nguyên nhân là do: Quan điểm sống vợ chồng không phù hợp, không tìm thấy tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng và kéo dài không thể hòa giải được. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó ông T và bà L đề nghị Tòa án công nhận vợ chồng ông, bà thuận tình ly hôn. Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T và bà L vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, ông Đỗ Minh T và bà Trần Thị Mỹ L đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với

nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] *Về con chung*: ông Đỗ Minh T và bà Trần Thị Mỹ L thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Khôi N, sinh ngày 01/5/2019. Ly hôn, ông T và bà L thống nhất thỏa thuận giao con chung Đỗ Khôi N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Đỗ Minh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 25 hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] *Về quan hệ tài sản chung; Nợ chung*: ông Đỗ Minh T và bà Trần Thị Mỹ L thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận ông Đỗ Minh T và bà Trần Thị Mỹ L thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*:

Giao con chung tên: Đỗ Khôi N, sinh ngày 01/5/2019 cho bà Trần Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông Đỗ Minh T cấp dưỡng nuôi con chung Đỗ Khôi N mỗi tháng 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 25 hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị Mỹ L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đỗ Minh T không thực hiện việc cấp dưỡng như đã thỏa thuận thì hàng tháng ông T còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- *Về tài sản chung; Nợ chung:* ông Đỗ Minh T và bà Trần Thị Mỹ L thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

2. *Về lệ phí Tòa án:* Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông ông Đỗ Minh T và bà Trần Thị Mỹ L tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Đỗ Minh T và bà Trần Thị Mỹ L đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002297 ngày 09/9/2025 của cơ quan thi hành án dân sự thành phố Đ. Như vậy ông Đỗ Minh T và bà Trần Thị Mỹ L đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Hải Vân, TP Đà Nẵng
(theo GCNKH số 14/2019 ngày 20/02/2019
Đăng ký tại UBND phường Hoà Hiệp Nam cũ);
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cương